

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST
Ngày 11-9-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thiện

Bà Mai Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Dương Thị T**; nơi cư trú: **Số A+02 B112, Tổ H, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng**; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Hoàng Văn T1**; nơi cư trú: **Số A+02 B112, Tổ H, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2024 và bản tự khai của nguyên đơn chị **Dương Thị T** trình bày:

Năm 2001, chị và anh **Hoàng Văn T1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán Việt Nam, có đăng ký kết hôn

ngày 27 tháng 7 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận N, thành phố Hải Phòng.

Quá trình chung sống, vợ chồng có thời gian chung sống bình thường không có mâu thuẫn lớn. Từ năm 2022 cho đến nay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm, lối sống. Hơn nữa, do hai vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến không khí gia đình luôn nặng nề, căng thẳng. Chính vì vậy, từ thời điểm nộp đơn khởi kiện cho đến nay chị và anh T1 đã sống ly thân không còn quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T1.

- Về con chung: Chị xác nhận chị và anh T1 có hai con chung là Hoàng Xuân C, sinh ngày 30/8/2001 và Hoàng Tiến L, sinh ngày 16/8/2007. Hiện con Hoàng Xuân C đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Hoàng Tiến L, vì con đang ở năm học cuối cấp, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Dương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Hoàng Văn T1 vắng mặt, không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và không lấy được lời khai của anh Hoàng Văn T1.

* Tòa án đã thu thập chứng cứ tại địa phương cũng như gia đình chị T, anh T1 thể hiện: Về nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm, lối sống và do vấn đề kinh tế, nên từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Hiện tại chị T và anh T1 đã sống ly thân không còn quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị T có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết giải quyết theo quy định của pháp luật; về con chung: Chị T và anh T1 có hai con chung là Hoàng Xuân C, sinh ngày 30/8/2001 và Hoàng Tiến L, sinh ngày 16/8/2007. Hiện con chung Hoàng Xuân C đã trưởng thành. Gia đình chị T, anh T1 đề nghị giao con chung Hoàng Tiến L cho chị T trực tiếp nuôi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung: Địa phương, cũng như gia đình không có ý kiến gì.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị T vắng mặt nhưng đã có quan điểm giải quyết vụ án và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Tòa án công bố lời khai của chị Dương Thị T.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu do đương sự cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị định số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Dương Thị T** được ly hôn anh **Hoàng Văn T1**; về việc nuôi con: Hiện con **Hoàng Xuân C** đã thành niên nên không xem xét giải quyết; giao con **Hoàng Tiến L**, sinh ngày 16/8/2007 cho chị **Dương Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị **Dương Thị T** không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung: Chị **Dương Thị T** không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị **Dương Thị T** phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là quan hệ pháp luật về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh **Hoàng Văn T1** cư trú tại địa bàn **quận H** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

[2] Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn anh **Hoàng Văn T1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Ngày 16 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HNGĐ. Nhưng tại phiên tòa ngày 30 tháng 8 năm 2024 anh **Hoàng Văn T1** vắng mặt lần thứ nhất. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-HNGĐ và ấn định phiên tòa được mở lại vào hồi 08 giờ ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại phiên tòa bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do bất khả kháng. Nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn; bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị **Dương Thị T** và anh **Hoàng Văn T1** được xác lập từ ngày 27 tháng 7 năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận N, thành phố Hải Phòng. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Quá trình chung sống chị **Dương Thị T** và anh **Hoàng Văn T1** có thời gian dài sống bình thường không có mâu thuẫn lớn, gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm, lối sống và do phát sinh từ kinh tế khó khăn. Nên từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay chị **T** và anh **T1** đã sống ly thân không còn quan hệ về tình cảm, kinh tế. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả. Tòa án đã triệu tập nhiều lần tại các buổi hòa giải anh **T1** đều vắng mặt, chứng tỏ anh **T1** không mong muốn để vợ chồng đoàn tụ và không chấp hành pháp luật. Xét mâu thuẫn giữa chị **Dương Thị T** và anh **Hoàng Văn T1** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Dương Thị T**.

[5] Về việc nuôi con: Chị **Dương Thị T** và anh **Hoàng Văn T1** có hai con chung là **Hoàng Xuân C**, sinh ngày 30/8/2001 và **Hoàng Tiến L**, sinh ngày 16/8/2007. Hiện con **Hoàng Xuân C** đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách nhiệm như sau. Tuy nhiên, từ thời điểm tháng 6/2024 ly thân cho đến nay cháu **Hoàng Tiến L** vẫn ở với chị **T** và được chăm sóc nuôi dưỡng tốt. Hơn nữa là năm cuối cấp của cháu, và bản thân cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Mặt khác, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt cũng như đảm bảo việc ổn định sự giáo dục, chăm sóc con. Vì vậy, áp dụng Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con **Hoàng Tiến L** cho chị **Dương Thị T** nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù

hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về việc chia tài sản: Chị **Dương Thị T** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[7] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị **Dương Thị T** phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[8] Chị **Dương Thị T** và anh **Hoàng Văn T1** được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Dương Thị T**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Dương Thị T** được ly hôn anh **Hoàng Văn T1**.

2. Về việc nuôi con: Giao con **Hoàng Tiến L**, sinh ngày 16/8/2007 cho chị **Dương Thị T** trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị **Dương Thị T** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản: Chị **Dương Thị T** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Dương Thị T** phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005642 ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Chị **Dương Thị T** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị **Dương Thị T** và anh **Hoàng Văn T1** vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Cát Bi, quận Hải An, thành phố Hải Phòng (GCNKH số 99, quyền số 01/2001; ngày 27/7/2001);
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Phượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Cát Bi, quận Hải An, thành phố Hải Phòng (GCNKH số 99, quyền số 01/2001; ngày 27/7/2001);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Phượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng